

QUY TRÌNH KỸ THUẬT
Trồng rừng Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb)
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(kèm theo Quyết định số 442/QĐ-SNN ngày 16 tháng 9 năm 2021
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Nội dung và mục tiêu

Quy trình kỹ thuật trồng rừng Dầu rái được xây dựng trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm trong thực tiễn sản xuất, phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh Lâm Đồng, đồng thời bổ sung các quy định mới của Luật Lâm nghiệp, các tiến bộ về biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong việc trồng rừng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

Quy trình kỹ thuật này quy định những nguyên tắc chung về các biện pháp kỹ thuật từ khâu chọn hiện trường, lấy giống, tạo cây con, trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ cho đến hết giai đoạn chăm sóc.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này được áp dụng cho những khu vực có điều kiện khí hậu, độ cao, đất đai... thích hợp với việc sinh trưởng, phát triển của các loài Dầu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Áp dụng cho các chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng ... có liên quan đến các nội dung quy định tại quy trình này.

Chương II

CHỌN HIỆN TRƯỜNG TRỒNG RỪNG

Điều 4. Chọn hiện trường trồng rừng

Việc chọn hiện trường trồng rừng Dầu rái phải bảo đảm đúng đối tượng trồng rừng quy định tại mục 3, Chương II Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT

ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh.

Cụ thể như sau:

1. Đối tượng trồng mới rừng đặc dụng

Diện tích đất chưa có rừng thuộc vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt), khu bảo vệ cảnh quan:

Đất trống; đất có thực bì là cỏ thưa, lau lách;

Đất có cây bụi, cây gỗ rải rác, cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5m với số lượng dưới 100 cây/ha đối với đất đồi núi, dưới 300 cây/ha đối với bãi bồi cửa sông hoặc dưới 1000 cây/ha đối với đất ngập nước, đất phèn không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng.

2. Đối tượng trồng mới rừng phòng hộ

a) Diện tích đất chưa có rừng thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư;

b) Đất trống; đất có thực bì là cỏ tranh, lau lách;

c) Đất có cây bụi, cây gỗ rải rác, cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5 m với số lượng dưới 300 cây/ha, không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng;

3. Đối tượng trồng mới rừng sản xuất

a) Diện tích đất chưa có rừng là đất trống hoặc đất có thực bì là cỏ tranh, lau lách;

b) Diện tích đất chưa có rừng, thực bì là cây bụi, cây gỗ rải rác và cây gỗ tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5 m với số lượng dưới 500 cây/ha, không có khả năng phục hồi thành rừng có giá trị kinh tế;

c) Diện tích tre nứa có tỷ lệ che phủ dưới 20%, không có khả năng phục hồi thành rừng có giá trị kinh tế; diện tích lồ ô, le không đủ tiêu chí thành rừng ở tất cả các mật độ và tỷ lệ che phủ.

4. Đối tượng trồng lại rừng

a) Diện tích đất rừng trồng sau khai thác trắng;

b) Diện tích rừng bị thiệt hại do thiên tai và các nguyên nhân khác không có khả năng phục hồi tự nhiên thành rừng;

c) Diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt) sau khai thác các loài cây trồng xen, trồng cây mọc nhanh cải tạo đất.

Chương III

ĐIỀU KIỆN GÂY TRỒNG

Điều 5. Điều kiện gây trồng

1. Khí hậu: Lượng mưa 1600-1800 mm/năm, nhiệt độ bình quân 24⁰C.
2. Độ cao: từ dưới 100m có nơi lên tới 700 m so với mực nước biển.
3. Đất đai: Chọn đất đỏ nâu trên đá ba dan, đất xám trên đá granit, phù sa cổ dưới rừng thứ sinh nghèo kiệt, đất phù sa ven sông suối thoát nước. Dầu rái ưa đất ẩm sâu và thoát nước, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến sét trung bình, pH = 4,5-5,5.

Chương IV

GIỐNG VÀ TẠO CÂY CON

Điều 6. Vật liệu giống, nguồn giống.

Đối với lô hạt giống; cây giống trong bình mô; lô cây giống sử dụng để trồng rừng phải bảo đảm theo quy định tại Điều 14 Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tiêu chuẩn quốc gia về giống cây lâm nghiệp (TCVN).

Giống được thu hái ở rừng giống chuyển hoá đã được công nhận.

Điều 7. Tạo cây con

Tạo cây bằng hạt (Nhân giống hữu tính)

- Thu hái hạt: Hạt giống lấy từ cây mẹ cao 15-20 m, đường kính 30-40 cm chưa khai thác nhựa. Thu nhặt lúc quả và cánh có màu cánh dán, vừa rụng. Mỗi kg có 210-230 quả.

- Bảo quản hạt: Hạt nhanh mất sức nảy mầm nên thu hoạch xong cần gieo ngay; thường không giữ được quá 10-15 ngày nên phải bảo quản trong cát ẩm. Nếu phải vận chuyển hạt giống đi xa thì nên trộn hạt với cát ẩm cho vào thùng gỗ nhưng không để lâu quá 10-15 ngày.

Điều 8. Gieo ươm và tạo cây con

Gieo ươm: Ngâm quả vào nước lã 6 giờ, cắt cánh và ủ lên luống gieo có phủ rơm rạ và tưới đủ ẩm, hạt nứt nanh hoặc mọc cây mầm không quá 5 ngày đem gieo hoặc cấy vào bầu. Thời vụ gieo từ 15 tháng 4 đến 15 tháng 5 ngay sau khi quả chín.

Vỏ bầu bằng Polyetylen 8-10×15-20 cm, thùng đáy, đục lỗ xung quanh.

Ruột bầu là đất mặt dưới rừng lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá, trộn với 10-15% phân chuồng hoai và 1-2% supe lân, nếu ít phân chuồng có thể thêm 0,1-0,5% đạm urê.

Đặt hạt nằm ngang hoặc nghiêng 45° , lấp đất dày 2 cm, rắc trấu hoặc vỏ cà phê đốt để nguội, tưới đủ ẩm cho cây.

Che bóng 50% ở tầm cao 1,7 m đến khi cây được 3-4 tháng tuổi.

Điều 9. Tiêu chuẩn cây giống đem trồng

Tiêu chuẩn cây giống đem trồng phải bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng cây giống theo quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính và Tiêu chuẩn quốc gia về giống cây lâm nghiệp đối với Dầu rái (TCVN 12714-7:2020) cụ thể như sau:

- Nguồn gốc giống: Hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng;
- Tuổi cây: Không nhỏ hơn 12 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu;
- Đường kính cổ rễ: Tối thiểu 0,8 cm;
- Chiều cao cây: Tối thiểu 80 cm;
- Bầu cây: Kích thước bầu đường kính tối thiểu là 13 cm, chiều cao tối thiểu là 16 cm; hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu không bị vỡ;
- Tình hình sâu, bệnh hại: Không phát hiện có sâu, bệnh hại trong lô cây giống;
- Hình thái cây: Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khoẻ mạnh không bị vóng lứt.

Chương V

TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG

Điều 10. Biện pháp xử lý thực bì

Quy định chung là phát dọn thực bì toàn diện toàn bộ cây bụi, dây leo, cành nhánh, băm thành đoạn ngắn vào tháng 1-4. Đốt và dọn thực bì vào trước mùa mưa, trước khi trồng rừng 1-2 tháng. Không xử lý thực bì và trồng rừng ven khe trong phạm vi ít nhất là 10m kể từ lòng khe suối.

Tùy phương thức trồng để lựa chọn xử lý thực bì theo đám, theo băng hoặc toàn diện nhưng phải giữ lớp cây phủ trợ mà không che lấp hoặc lấn át cây Dầu rái.

Tùy theo đối tượng rừng mà lựa chọn biện pháp xử lý thực bì cho phù hợp theo quy định tại Thông tư số 29/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh cụ thể như sau:

1. Trồng mới rừng đặc dụng:

Xử lý thực bì: Phát dọn thực bì theo băng hoặc theo đám, thực bì được gom lại từng dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt. Khi xử lý thực bì phải chừa lại cây gỗ có sẵn và cây tái sinh mục đích;

2. Trồng mới rừng phòng hộ:

Xử lý thực bì: Phát dọn thực bì theo băng hoặc theo đám. Thực bì được gom thành dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt; được phát trắng thực bì ở nơi có độ dốc dưới 15°, nhưng phải chừa lại đai cây xanh ở đỉnh dốc, ven khe suối, bờ sông, hồ. Khi xử lý thực bì phải chừa lại toàn bộ cây gỗ có sẵn và cây tái sinh mục đích

3. Trồng mới rừng sản xuất:

Xử lý thực bì: phát dọn thực bì toàn diện, theo băng hoặc theo đám phù hợp với điều kiện lập địa và đặc tính sinh thái của loài cây trồng. Thực bì xử lý xong được gom theo băng, hạn chế đốt thực bì. Trường hợp đốt thực bì phải đốt theo băng, theo đám và đốt có kiểm soát;

Điều 11. Thời vụ trồng

Trồng vào đầu mùa mưa, kéo dài từ tháng 6 đến trước 30 tháng 8 hàng năm.

Điều 12. Kỹ thuật trồng

1. Mật độ trồng:

Tuỳ vào mục đích kinh doanh mà lựa chọn mật độ trồng cho phù hợp.

Khi trồng cần lựa chọn theo cấu trúc như sau:

- Trồng hỗn giao đều tuổi theo hàng với các loài cây phù trợ như các loài keo, Muồng đen và Đậu tràm.

- Trồng hỗn giao khác tuổi theo hàng với các loài cây phù trợ như các loài keo, Muồng đen và Đậu tràm, trường hợp này cây phù trợ được trồng trước cây Dầu con rái.

- Trồng dưới tán rừng theo đám, theo rạch của rừng thứ sinh, rừng nghèo kiệt.

Mật độ cây Dầu rái : 833 cây/ha, cự ly 3m x 4 m.

Mật độ cây phù trợ: 833 cây/ha.

2. Đào hố:

Đào hố kích thước 40x40x40 cm. Khi cuốc hố phải để riêng lớp đất mặt sang 1 bên và lớp đất dưới sang một bên. Việc cuốc hố phải hoàn thành trước khi trồng cây 30 ngày. Phải lấp hố trước khi trồng 8–10 ngày, lấp đất mặt xuống trước, nhặt sạch cỏ, rễ cây, đập nhỏ, lấp đất hình mâm xôi cao hơn mặt đất tự nhiên 5 cm.

Trên lập địa trũng thấp cần lên líp cao từ 0,7-0,8 m, líp rộng từ 10-12 m, cuốc hố kích thước 40x40x40 cm. Việc cuốc hố phải hoàn thành trước khi trồng cây 30 ngày.

Dùng cuốc cào đất lấp đầy 1/3 thể tích hố, sau đó đổ lượng phân theo quy định xuống hố, tiếp tục cho đất màu xuống hố đến 2/3 thể tích rồi trộn đều với phân trong hố. Cuối cùng lấp đất đầy hố, vun thành hình mâm xôi cao hơn miệng hố.

3. Vận chuyển cây đi trồng:

Tưới nước đủ ẩm 1 đêm trước khi bốc, xếp cây, tránh làm vỡ bầu, dập nát, gãy ngọn cây trong quá trình bốc, xếp và vận chuyển cây. Cây chuyển tới hiện trường trồng rừng phải kịp thời trồng ngay, nếu chưa kịp trồng phải xếp vào nơi râm mát và phải tưới nước đảm bảo độ ẩm trong bầu.

4. Trồng cây:

Chọn những ngày mưa phùn, mưa nhỏ, trời râm hoặc nắng nhẹ, đất trong hố đủ ẩm để trồng cây. Dùng cuốc hay bay moi một hốc ở giữa hố đã lấp, sâu hơn bầu cây 2-3 cm. Rạch vỏ bầu, đưa bầu cây đặt ngay ngắn xuống giữa hố đã moi, gạt đất ngập 1/2 chiều cao bầu, dùng tay kéo nhẹ vỏ bầu lên sau đó vun đất lấp kín cổ rễ và ấn chặt xung quanh bầu cây. Không trồng cây vỡ bầu, long góc, gãy ngọn. Cây đã rải ra hố phải trồng hết trong ngày.

Sau khi trồng 20-30 ngày kiểm tra tỷ lệ sống, nếu đạt dưới 85% phải trồng dặm theo quy định. Nếu đến vụ trồng năm sau tỷ lệ sống chưa đạt 85% thì phải tiếp tục trồng dặm bằng cây con của năm trước.

Điều 13. Chăm sóc rừng trồng

Là loài cây chịu bóng khi còn nhỏ nhưng từ 2-3 tuổi trở đi ưa sáng và luôn vươn lên tầng trên. Tái sinh chồi gốc và chồi rễ mạnh và sinh trưởng không thua kém cây hạt.

Từ năm thứ 3-4 sau khi trồng phải chú ý chăm sóc phát luống dây leo bụi rậm lấn át, tỉa thưa cây phụ trợ đảm bảo đủ ánh sáng cho cây trồng phát triển.

Số năm chăm sóc: 5 năm

Chăm sóc năm thứ nhất: 2 lần

Biện pháp kỹ thuật:

Phát thực bì toàn diện lần 1 và lần 2 (phát dọn cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn, bảo vệ cây tái sinh mục đích);

Xới đất và vun gốc cây (1,0m- 1,5m);

Làm mới đường ranh cản lửa;

Gom, đốt dọn vật liệu cháy rừng trồng;

Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng;

Bảo vệ rừng trồng.

Chăm sóc năm thứ hai: 2 lần;

Biện pháp kỹ thuật:

Phát thực bì toàn diện lần 1 và lần 2 (phát dọn cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn, bảo vệ cây tái sinh mục đích);

Xới đất và vun gốc cây (1,0m-1,5m);

Trồng dặm 10%

Tu sửa đường ranh cản lửa;

Gom, đốt dọn vật liệu cháy rừng trồng;

Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng;

Bảo vệ rừng trồng.

Chăm sóc năm thứ ba: 2 lần

Phát thực bì toàn diện 1 và lần 2 (phát dọn cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn, bảo vệ cây tái sinh mục đích) ;

Tu sửa đường ranh cản lửa;

Gom, đốt dọn vật liệu cháy rừng trồng;

Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng;

Bảo vệ rừng trồng.

Chăm sóc năm thứ tư, thứ năm: 1 lần

Phát thực bì toàn diện 1 lần (phát dọn cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn, tỉa thưa cây phù trợ, bảo vệ cây tái sinh mục đích, mở tán cho cây trồng sinh trưởng, phát triển) ;

Tu sửa đường ranh cản lửa;

Gom, đốt dọn vật liệu cháy rừng trồng;

Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng;

Bảo vệ rừng trồng.

Trong suốt thời gian chăm sóc phải tổ chức và thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng trừ sâu, bệnh hại theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 14. Trồng dặm

Sau khi trồng 01 tháng, kiểm tra tỷ lệ cây sống; nếu tỷ lệ cây sống dưới 85% so với mật độ trồng ban đầu thì phải trồng dặm.

Điều 15. Phòng trừ sâu bệnh hại và bảo vệ rừng trồng

Thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại theo quy phạm kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng trồng theo các quy định hiện hành.

Điều 16. Phòng cháy và chữa cháy rừng

Tổ chức và thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 17. Nghiệm thu rừng trồng.

Chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm tiến hành nghiệm thu khi hoàn thành các hạng mục hoặc kết thúc giai đoạn đầu tư. Thời điểm nghiệm thu phải xác định cụ thể để bảo đảm tính chính xác của kết quả nghiệm thu;

Về thành phần nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình đầu tư lâm sinh;

Về thời điểm nghiệm thu, các chỉ tiêu nghiệm thu, nghiệm thu khối lượng, nghiệm thu chất lượng thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 18. Bảo vệ rừng trồng

Rừng trồng cần xây dựng các đường băng, đường ranh cản lửa bằng băng trắng hoặc băng xanh để phòng chống cháy rừng; thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, chống chặt phá, xâm lấn, phát, đốt rừng làm nương, rẫy, ngăn chặn trâu, bò dẫm đạp, phá hoại cây trồng và các biện pháp khác bảo đảm để rừng trồng sinh trưởng phát triển tốt.

Điều 19. Lập hồ sơ quản lý rừng trồng

Sau khi rừng trồng hết giai đoạn chăm sóc, Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý rừng trồng theo quy định.

Thành phần hồ sơ gồm: Hồ sơ và bản đồ thiết kế, dự toán công trình, các văn bản, tài liệu có liên quan được cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, hồ sơ nghiệm thu, kết quả nghiệm thu về loài cây trồng, mật độ, diện tích, chất lượng rừng trồng và đánh giá các diễn biến khác hàng năm như tình hình sinh trưởng, chặt phá, xâm hại, sâu bệnh... đối với diện tích rừng trồng đang quản lý.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện quy trình này trên địa bàn tỉnh;

b) Kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật trồng Dầu con rái theo quy định tại quy trình này;

Điều 21. Trách nhiệm của Chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng để trồng rừng

1. Chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng thực hiện các biện pháp kỹ thuật theo các quy định tại quy trình này.

2. Chủ rừng nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật theo quy định tại quy trình này.

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

Các chương trình, dự án có biện pháp kỹ thuật đã được phê duyệt trước ngày quy trình này có hiệu lực và đang thực hiện, tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc giai đoạn đầu tư.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy trình này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký.

2. Quy trình này thay thế Quy trình kỹ thuật về gieo ươm, trồng rừng Dầu rái ở tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ/NN-PTNT ngày 13 tháng 12 năm 1997 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.